

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: *111* /2020/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày *23* tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính (tại Tờ trình số 1696/TTr-STC ngày 19 tháng 6 năm 2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày *25* tháng *7* năm 2020 và thay thế Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về ban hành biểu giá dịch vụ xe ra, vào bến áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *✓*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Phòng XD và KTrVBQPPL-Sở Tư pháp;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, KT, HgA_{QĐ}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *✓*



Nguyễn Chí Hiến



QUY ĐỊNH

Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô đối với xe ô tô vận chuyển hành khách, hàng hóa theo tuyến cố định, xe taxi, xe buýt tại các Bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác bến xe.
2. Các đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô.
3. Cơ quan quản lý nhà nước về vận tải.

Điều 3. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô tại Quy định này là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số ghế ngồi, giường nằm tính theo số ghế ngồi (chỗ ngồi), số giường nằm (chỗ nằm) được ghi trong sổ kiểm định của xe.

Điều 4. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với xe ô tô vận chuyển hành khách tuyến cố định, hàng hóa

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với Bến xe loại 4:

STT	Tuyến	Mức thu các xe ra, vào bến	
		Xe ghế ngồi (đồng/ghế ngồi)	Xe giường nằm (đồng/giường nằm (chỗ nằm))
1	Từ 400 km trở lên	5.000	6.000
2	Từ 180 km đến dưới 400 km	4.000	4.800
3	Từ 100 km đến dưới 180 km	2.750	3.300
4	Dưới 100 km	1.900	2.280

2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với Bến xe loại 6 (trừ Bến xe thành phố Tuy Hòa):

STT	Tuyến	Mức thu các xe ra, vào bến	
		Xe ghế ngồi (đồng/ghế ngồi)	Xe giường nằm [(đồng/giường nằm (chỗ nằm))]
1	Từ 300 km trở lên	3.000	3.600
2	Từ 100 km đến dưới 300 km	2.400	2.880
3	Dưới 100 km	1.900	2.280

3. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với Bến xe thành phố Tuy Hòa:

a) Giá dịch vụ xe ra, vào bến đối với xe khách:

STT	Các loại xe vận tải	Mức thu xe ra, vào bến (đồng/ghé)
1	Từ 300 km trở lên	5.000
2	Từ 150 km đến dưới 300 km	4.000
3	Từ 100 km đến dưới 150 km	3.900
4	Từ 50 km đến dưới 100 km	2.600
5	Dưới 50 km	1.900

b) Giá dịch vụ xe ra, vào bến đối với xe tải:

STT	Các loại xe vận tải	Mức thu xe ra, vào bến (đồng/lượt)
1	Xe tải từ 0,2 tấn đến 1,0 tấn	15.000
2	Xe tải trên 1,0 tấn đến 1,5 tấn	20.000
3	Xe tải trên 1,5 tấn đến 2,0 tấn	28.000
4	Xe tải trên 2,0 tấn đến 5,0 tấn	40.000
5	Xe tải trên 5,0 tấn đến 10 tấn	55.000
6	Xe tải trên 10 tấn	75.000

Điều 5. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với xe taxi (các loại), xe buýt không được trợ giá, xe giường nằm loại dưới 38 chỗ nằm và 02 chỗ ngồi (dành cho lái xe và nhân viên phục vụ)

1. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với xe taxi: 5.000 đồng/lượt xe.

2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với xe buýt không được trợ giá: 10.000 đồng/lượt xe.

3. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô đối với xe ô tô giường nằm dưới 38 chỗ nằm và 02 chỗ ngồi (dành cho lái xe và nhân viên phục vụ):

a) Loại xe ô tô khách giường dưới 30 chỗ nằm và 02 chỗ ngồi (dành cho lái xe và nhân viên phục vụ): giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 120% loại xe ô tô khách giường quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

b) Loại xe ô tô khách giường từ 30 chỗ nằm đến dưới 38 chỗ nằm (không tính 02 chỗ ngồi dành cho lái xe và nhân viên phục vụ): giá dịch vụ xe ra, vào bến bằng 110% loại xe ô tô khách giường quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Phú Yên; thực hiện việc điều chỉnh, xếp loại các bến xe khi có sự thay đổi về các quy định đối với bến xe làm cơ sở cho việc tính giá dịch vụ xe ra, vào bến.

b) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra các bến xe trong tỉnh và xử lý các trường hợp vi phạm của các bến xe, đơn vị vận tải theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Trên cơ sở tình hình thực tế tại địa phương, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định phương án giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô theo đề nghị của các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác bến xe; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khi có biến động giá trên thị trường hoặc mức độ đầu tư cơ sở vật chất của từng bến xe ô tô.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các bến xe, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan thuộc phạm vi quản lý.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định phương án giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô theo đề nghị của các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác bến xe; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khi có biến động giá trên thị trường hoặc mức độ đầu tư cơ sở vật chất của từng bến xe ô tô.

4. Các đơn vị kinh doanh vận tải

Việc thực hiện giá dịch vụ xe ra, vào bến được thể hiện trong hợp đồng giữa các đơn vị kinh doanh vận tải và đơn vị khai thác bến xe.

5. Các đơn vị quản lý, khai thác bến xe

a) Tổ chức ký hợp đồng với các đơn vị kinh doanh vận tải theo Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá và thu theo giá niêm yết theo quy định pháp luật về giá.

Các quy định khác không nêu trong quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Chí Hiến

